

TĂNG CƯỜNG SỰ TƯƠNG TÁC GIỮA GIÁNG VIÊN VỚI SINH VIÊN VÀ SINH VIÊN VỚI SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH DẠY - HỌC NGOẠI NGỮ

✍ NGUYỄN THỊ HIỀN HUƠNG*

Ngày nhận: 17/10/2018

Ngày phản biện: 22/11/2018

Ngày duyệt đăng: 24/12/2018

Tóm tắt: Qua các quan điểm của một số nhà nghiên cứu về sự tương tác diễn ra trong giờ học ngoại ngữ, chúng tôi nhận thấy rằng tăng cường sự tương tác giữa giảng viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên với nhau là rất cần thiết. Tương tác thường xuyên sẽ giúp họ xác định thêm các biện pháp và cơ hội cải thiện việc dạy và học ngoại ngữ.

Từ khóa: tương tác, lớp học ngoại ngữ.

ENHANCING THE INTERACTION BETWEEN TEACHERS AND STUDENTS AND STUDENTS WITH STUDENTS IN THE PROCESS OF TEACHING AND LEARNING FOREIGN LANGUAGES

Abstract: From the perspective of some researchers on the interaction that takes place during the language learning lesson, we find that it is necessary to enhance the interaction between teachers and students as well as between students. Regular interaction will help them identify additional measures and opportunities to improve foreign language teaching and learning.

Keywords: interaction, foreign language classes.

1. Đặt vấn đề

Việc học ngoại ngữ thành công phụ thuộc rất nhiều yếu tố trong đó có phương pháp dạy - học, trình độ của người dạy, sự nỗ lực của người học, chương trình học, giáo trình, thời lượng, cơ sở vật chất, các thiết bị dạy - học, v.v. Tuy nhiên có một yếu tố dường như ít được đề cập đó là: sự tương tác của người học. Qua thực tiễn giảng dạy ngoại ngữ, chúng tôi nhận thấy nếu sinh viên các trường không chuyên ngữ khắc phục được sự e dè, ngại giao tiếp bằng tiếng Anh để tích cực tương tác với giảng viên và bạn học nhiều hơn thì sinh viên sẽ gặt hái được kết quả khả quan hơn.

2. Khái niệm “tương tác” và “sự tương tác trong dạy học ngoại ngữ”

Theo “Từ điển tiếng Việt” của Viện Ngôn ngữ học: “Tương tác là sự tác động qua lại lẫn nhau”. Trong từ điển tiếng Anh “The Oxford Modern English Dictionary”, tác giả Julia Swannel (1994) thì định nghĩa “Tương tác là hành động cùng nhau” [4].

Trong dạy và học ngoại ngữ, sự tương tác giúp người học hiểu và lĩnh hội kiến thức về ngôn ngữ nhiều hơn. Theo Luk & Lin (2007) tương tác trong các lớp học ngôn ngữ là hoạt động quan trọng đối với sinh viên, qua đó họ không chỉ xây dựng kiến thức, mà còn xây dựng niềm tin trở thành người sử dụng ngôn ngữ có năng lực [8]. Long, M. (1996) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp dạy học tương tác

đối với sự tiến bộ của người học ngoại ngữ không chỉ ở kỹ năng giao tiếp mà còn ở các kỹ năng đọc, nghe và viết [7]. Ở kỹ năng nói (Speaking skill), người học có thể tham gia các hoạt động khác nhau theo cặp hoặc nhóm như: đóng vai (role play) cho một tình huống cụ thể; phỏng vấn, điều tra thông tin, thảo luận một chủ đề tự chọn, v.v. Đối với bài đọc và nghe hiểu (Reading/ Listening comprehension), người học có thể thảo luận về chủ đề sắp được tiếp cận, cùng nhau làm rõ các khái niệm, các quan điểm liên quan trước và sau khi đọc và nghe, so sánh các sự lựa chọn khác nhau để tìm ra đáp án phù hợp nhất.

3. Tăng cường sự tương tác của sinh viên

Những năm gần đây sinh viên trường Đại học Công đoàn được đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đến từ các lớp, các khoa khác nhau có thể đăng ký học cùng học phần tiếng Anh cơ bản, do đó phần lớn sinh viên không biết nhau trong giờ học ngoại ngữ chính khoá ở trường. Sinh viên lại càng ngại giao tiếp và làm việc theo cặp hoặc nhóm với nhau. Để giải quyết được vấn đề này, chúng tôi nhận thấy giảng viên ngoại ngữ nên áp dụng linh hoạt các đề xuất của nhà nghiên cứu sư phạm Jong & Hawley (1995). Cụ thể như sau:

a. Tương tác giữa giảng viên và sinh viên

Một trong những chìa khóa quan trọng nhất để

* Trường Đại học Công đoàn

tạo ra một lớp học ngôn ngữ tương tác là sự bắt đầu tương tác của giảng viên. Những sinh viên nhút nhát thường lo sợ khi họ phải bắt đầu cuộc trò chuyện hoặc chủ đề để thảo luận. Lúc này giảng viên nên đặt câu hỏi gợi mở. Sự khích lệ của giảng viên là rất quan trọng trong giai đoạn đầu của bài học trên lớp cũng như trong suốt giờ học. Tuy nhiên giảng viên cần hướng dẫn để sinh viên không bị phân tâm và tránh xa các mục tiêu của bài học.

Các câu hỏi của giảng viên có thể bắt đầu cho một phản ứng dây chuyền về sự tương tác của sinh viên với nhau. Chẳng hạn: giảng viên yêu cầu sinh viên trả lời một câu hỏi nhất định liên quan đến chủ đề mới hoặc chủ đề đã được dạy trong bài học trước nhưng không đặt câu hỏi cho riêng cá nhân nào mà nên tương tác với toàn thể lớp. Đối với câu trả lời, sinh viên được chọn ngẫu nhiên dựa trên khả năng của mình.

Tuy nhiên từ thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy một số loại câu hỏi của giảng viên lại ngăn cản sự tương tác trong học tập của sinh viên. Ví dụ: Các câu hỏi trình bày (câu hỏi mà câu trả lời đã được cả giảng viên và sinh viên biết đến, sẵn có trong giáo trình) sẽ khiến sinh viên nản. Bên cạnh đó, các chiến lược đặt câu hỏi khác nhau của giảng viên có thể hữu ích hoặc cũng có thể gây ức chế khi giao tiếp trong lớp học. Allwright, (1996) chỉ ra rằng đôi khi giảng viên trở nên quá quan tâm đến việc người học tương tác bằng lời nói, có thể phản tác dụng. Không nên chỉ trích lỗi của sinh viên ngay khi sinh viên đang nói, làm mất cảm hứng học tập của các em [1]. Krashen và Terrell (1988) đã nhận định, "...sửa lỗi của sinh viên ngay lúc sinh viên đang phát biểu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự sẵn sàng thể hiện bản thân của các em lần sau" [5]. Trước đây, đã có nhiều nghiên cứu về sửa lỗi trên thế giới cho rằng khi giảng viên ngoại ngữ cố gắng sửa lỗi phát âm, ngữ pháp một cách đột ngột trong lớp học, việc này hầu như phản tác dụng vì sẽ không tạo được ảnh hưởng tích cực nào đến hiệu suất học của người học. Lỗi là một biểu hiện cần thiết của sự phát triển liên ngôn ngữ và giảng viên không nên bị ám ảnh bởi sự điều chỉnh lỗi liên tục. Giảng viên ngoại ngữ chỉ nên sửa lỗi để cả lớp rút kinh nghiệm khi tổng kết hoạt động nhóm. Theo Rivers (1983) "Tương tác thực sự trong lớp học đòi hỏi giảng viên nhượng vai trò của mình cho sinh viên trong việc phát triển và thực hiện các hoạt động, chấp nhận tất cả các ý kiến, và khoan dung với các lỗi sinh viên mắc phải trong khi họ đang cố giao tiếp bằng ngoại ngữ. Giảng viên nên cho phép sinh viên khám phá ngoại ngữ đó thông qua việc sử dụng nó trong ngữ cảnh thay vì thuyết trình quá nhiều cho họ biết về ngoại ngữ đó" [10].

Trong giờ học ngoại ngữ, giảng viên có thể sắp

xếp chỗ ngồi phù hợp, chẳng hạn như: ngồi theo sơ đồ hình tròn, hoặc chữ U để đảm bảo rằng tất cả sinh viên đều tương tác với giảng viên và các bạn trong cả lớp. Điều quan trọng là giảng viên phải tạo ra một bầu không khí thoải mái, thân thiện, không gây áp lực đối với bất kỳ sinh viên nào kể cả sinh viên học chưa tốt. Giảng viên đảm nhận vai trò của một người điều khiển (controller), một người tạo điều kiện (facilitator) chứ không phải là một người độc tài (authoritarian) áp đặt ý nghĩ của mình vào tư duy của người học.

Ở cấp độ đại học, giảng viên cần tạo động lực nội tại cho sinh viên, đôi khi giảng viên phải hạn chế đưa ra các chỉ thị hay ra lệnh. Thay vào đó, giảng viên nên đóng vai trò là người tư vấn (consultant) cho sinh viên. Điều này đòi hỏi giảng viên phải tìm hiểu sâu về nội dung bài học trước mỗi giờ giảng. Ví dụ, dưới đây là từ thực tiễn một trong những lớp học hiệu quả mà tôi đã quan sát tại Trung tâm Ngôn ngữ của Đại học Quốc gia Hà Nội. Tôi nhận thấy giảng viên thường đứng dưới lớp cùng với các sinh viên, thay vì ngồi trên bục giảng quá lâu. Giảng viên rất thân thiện và sinh viên thảo luận bài rất thoải mái. Sau đó họ bắt đầu đặt câu hỏi với giảng viên và cô - trò trao đổi ý tưởng cùng nhau. Có thể thấy rằng đôi khi trong giờ học, giảng viên không nên là một người đứng lớp thuyết giảng đồng dài, mà nên đóng vai trò là người tư vấn sẽ khiến sinh viên cảm thấy thoải mái hơn, và sự tương tác sẽ tự nhiên diễn ra.

Tuy nhiên, giảng viên cũng nên dựa vào phán đoán của mình trong việc đánh giá khả năng của sinh viên khi trả lời các câu hỏi ở mức độ nhất định, và phân bổ thời gian phù hợp cho các hoạt động tương tác trên lớp, động viên sinh viên học lực yếu kém tham gia bài giảng nhiều hơn, nhưng không dừng lại quá lâu ở một câu hỏi, không nên yêu cầu quá cao hay kỳ vọng quá nhiều ở câu trả lời của một sinh viên nào, làm ảnh hưởng đến mục tiêu chung của bài giảng bởi sinh viên cần nhiều thời gian và cả quá trình để tiến bộ chứ không chỉ trong một giờ học.

b. Tương tác giữa sinh viên với sinh viên

Từ lâu người Việt chúng ta đã có câu "*Học thầy không tày học bạn*". Theo một nghiên cứu của nhà giáo dục học nổi tiếng ở châu Âu - Littlewood (2000) thì nhiều sinh viên châu Á muốn "tự khám phá tri thức cùng với các bạn học của mình" (p. 34). Sinh viên có thể cảm thụ và lĩnh hội kiến thức một cách tự nhiên và thoải mái hơn qua làm việc theo cặp (pair work) hay theo nhóm (group work). Vì vậy, các cách làm việc này đã được áp dụng nhiều trong dạy học ngoại ngữ những năm gần đây, giúp tăng đáng kể sự tương tác của người học. Nunan (1991) cũng gợi ý rằng sinh viên học một

ngoại ngữ sẽ tiến bộ nhanh hơn khi họ tích cực tham gia thảo luận và cố gắng giao tiếp theo nhóm [9]. Theo Harmer (1991) thì "... làm việc nhóm năng động hơn là làm việc cá nhân: trong một nhóm nhiều người có ý kiến khác nhau về cùng một quan điểm, do đó, khả năng thảo luận và tương tác sẽ nhiều hơn [2]."

Qua thực tiễn giảng dạy, chúng tôi nhận thấy nhiều sinh viên các trường không chuyên ngữ như trường Đại học Công đoàn thường không mạnh dạn tham gia các hoạt động trong giờ học tiếng Anh. Các em thường không chủ động và tự giác tương tác với thầy cô và các bạn.

Tuy nhiên, những sinh viên cảm thấy bị hạn chế, không tự tin khi nói điều gì đó trước lớp hoặc trước giảng viên, thường thấy dễ dàng hơn nhiều khi thể hiện bản thân trước một nhóm nhỏ các bạn cùng lớp của họ. Khi người học làm việc theo nhóm, các thành viên có thể giải quyết các vấn đề phát sinh. Thảo luận nhóm không có giới hạn đối với những sinh viên học lực giỏi hay kém. Giảng viên có thể chia nhóm sao cho sinh viên cùng hỗ trợ được nhau thực hiện các nhiệm vụ trong giờ học ngoại ngữ. Khuyến khích sinh viên phát triển chiến lược học riêng phù hợp với bản thân, đồng thời biết cách dung hoà, chia sẻ quan điểm, học hỏi các bạn trong cặp/ nhóm sẽ giúp việc học tập ngoại ngữ có hiệu quả hơn.

4. Kết luận

Bài viết này vận dụng một số quan điểm của các nhà khoa học để phân tích quá trình tương tác trong dạy học, qua đó góp phần nâng cao khả năng tương tác của giảng viên với sinh viên và sinh viên với nhau trong quá trình dạy học ngoại ngữ. Qua đó chúng tôi nhận thấy khuyến khích sinh viên tương

tác giúp sinh viên xác định các cơ hội đạt tiến bộ trong học tập. Giảng viên và sinh viên hãy cùng nhau tạo nên sự tương tác hiệu quả trong giờ học ngoại ngữ và đồng thời hãy khuyến khích sinh viên nắm bắt các cơ hội học tập này. Học ngoại ngữ là rèn luyện các kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết bằng ngoại ngữ đó. Do đó sự tương tác là một điều không thể thiếu đối với sinh viên. □

Tài liệu tham khảo

1. Allwright, D. and Bailey, K.M (1996). *Focus on the Language Classroom*. Cambridge University Press. London.
2. Harmer (1991). *The Practice of English Language Teaching*. Longman.
3. Jong, C.D. & Hawley, J. (1995). Making cooperative learning groups work. *Middle School Journal*, 26 (4), 45-48.
4. Julia Swannell (1994), *The Oxford modern English dictionary*, Oxford University Press, New York.
5. Krashen, S. and Terrell, T. (1988). *The Natural Approach*. Prentice Hall International.
6. Littlewood, W. (2000). *Do Asian students really want to listen and obey? ELT Journal*, 54(1), 31-36. <http://dx.doi.org/10.1093/elt/54.1.31>
7. Long, M. (1996). The role of the linguistic environment in second language acquisition in Ritchke, W.C. & Bhatia, T.K. (eds.), *Handbook of Language Acquisition. Second Language Acquisition* (pp. 413-468). New York: Academic Press.
8. Luk, J.C.M. & Lin, A.M.Y. (2007). Classroom interactions as cross-cultural encounters. *Native speakers in EFL classrooms*. Mahwah, New Jersey, London: Lawrence Erlbaum Associates, Publishers.
9. Nunan, D. (1991). *Language Teaching Methodology*. Prentice Hall International.
10. Rivers (1983). *Interactive Language Teaching*, Cambridge University Press. N.Y.
11. Viện Ngôn ngữ học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT NỮ QUYỀN ...

(Tiếp theo trang 63)

đăng trong xã hội. Đó cũng chính là mong muốn của mọi thành viên trong xã hội. □

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác - Ăng-ghen "Tuyên tập", tập 1 (1976), Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva.
2. Hoàng Bá Thịnh (2008), "*Giáo trình Xã hội học về giới*" Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Hoàng Bá Thịnh (2001), "*Vấn đề nghiên cứu giới trong Xã hội học*" Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trần Xuân Kỳ (2008), "Tài liệu chuyên khảo, giới và phát triển" Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
5. *Giới môi trường và phát triển ở Việt nam* (1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thuận và Trần Xuân Kỳ (2009) "*Giáo trình giới và phát triển*", Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.

LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 53)

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê, ILO (2018): *Báo cáo Lao động phi chính thức năm 2016*, Nxb Hồng Đức.
2. Đinh Thị Luyện: *Kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị*, Truy cập từ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-te-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-va-mot-so-khuyen-nghi-146337.html> (truy cập ngày 19/11/2018).
3. Dương Đăng Khoa (2006): *Hoạt động của khu vực kinh tế không chính thức ở Việt Nam: Các hình thái và tác động*, Truy cập từ <http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/web/guest/cac-khu-vuc-kinh-te?> (truy cập ngày 22/11/2018).
4. Nguyễn Hoài Sơn (2013): *Khu vực phi chính thức ở các nước đang phát triển*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 10 (71) - 2013, tr. 87 - 95.